

Số: 46/2020/QĐST-HNGĐ

Hải An, ngày 28 tháng 02 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 36/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh Phạm Tiến QU; nơi cư trú: Số 1/50/389, tổ dân phố số 2, phường ĐH, quận HA, Hải Phòng;

Chị Bùi Thị Minh CH; nơi cư trú: Số 1/50/389, tổ dân phố số 2, phường ĐH, quận HA, Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Minh CH và anh Phạm Tiến QU kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Tân Dân, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng vào ngày 13/12/2010. Quá trình chung sống, vợ chồng chúng sống hạnh phúc đến tháng 8 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cả hai không còn tình cảm, không yêu thương nhau khiến hôn nhân không hạnh phúc. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh chị đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2019 đến nay, không còn quan tâm đến nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Nay anh QU và chị CH đều nhận thấy không còn tình cảm, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân nên cả hai cùng

thống nhất thuận tình ly hôn. Xét mâu thuẫn giữa anh QU và chị CH đã trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc và không có khả năng đoàn tụ nên yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là có căn cứ chấp nhận.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống, anh chị có 02 con chung Phạm AD, sinh ngày 29/4/2011 và Phạm AĐ, sinh ngày 29/4/2011. Anh chị thống nhất thỏa thuận khi ly hôn giao cả hai con chung cho chị CH trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Xét thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của chị CH và anh QU là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh sinh hoạt và học tập hiện tại của con chung nên có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị CH và anh QU thống nhất thỏa thuận: Kể từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, anh QU có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng đối với hai con chung là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Xét thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Anh Phạm Tiến QU và chị Bùi Thị Minh CH thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Anh Phạm Tiến QU và chị Bùi Thị Minh CH tự nguyện chịu mỗi người 150.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Tiến QU và chị Bùi Thị Minh CH cùng thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao hai con chung Phạm AD, sinh ngày 29/4/2011 và Phạm AĐ, sinh ngày 29/4/2011 cho chị CH trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con, hàng tháng anh QU có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con đối với hai con chung: 3.000.000 đồng (ba triệu đồng); kể từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468, Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về tài sản chung: Anh Phạm Tiến QU và chị Bùi Thị Minh CH thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án:

Anh Phạm Tiến QU và chị Bùi Thị Minh CH mỗi người phải chịu 150.000 đồng tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Anh Phạm Tiến QU và chị Bùi Thị Minh CH đã nộp đủ 300.000 đồng tại CH cục Thi hành án dân sự quận Hải An theo Biên lai thu số 0005545 ngày 12 tháng 02 năm 2020.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- CH cục THA Dân sự quận Hải An;
- UBND xã Tân Dân, huyện An Lão, HP;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hằng

